

Số: 63/2021/QĐST- HNGĐ

Ba Đồn, ngày 30 tháng 12 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 75/2021/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2021 giữa:

Nguyên đơn: Anh Lê Quang T, sinh năm 1980

Nơi cư trú: TDP 10, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình

Nơi làm việc: Bộ chỉ huy bộ đội Biên phòng tỉnh Quảng Bình

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Kiều H, sinh năm 1983

Nơi cư trú: Khu phố 1, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình

Nơi làm việc: Trạm y tế xã P, huyện Q, tỉnh Quảng Bình

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 57 và Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 12 năm 2021,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 12 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Lê Quang T và chị Nguyễn Thị Kiều H

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung: Lê Quang Tuấn H, sinh ngày 08/9/2011 và Lê Gia H sinh ngày 16/7/2017. Hai bên đương sự thỏa thuận giao 02 con chung cho chị Nguyễn Thị Kiều H trực tiếp chăm sóc nuôi

đưỡng; anh Lê Quang T có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi 02 con mỗi tháng 5.000.000 đồng, kể từ tháng 01/2022 cho đến khi các con lần lượt trưởng thành có khả năng lao động hoặc có tài sản tự nuôi sống bản thân.

“Kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi đối với số tiền chưa thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự để trả cho người được thi hành án”

- Về tài sản chung: Hai bên đương sự thỏa thuận vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng

- Về án phí: Anh T nộp 75.000 đồng tiền án phí ly hôn và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ; anh T thỏa thuận nộp thay cho chị H 75.000 đồng tiền án phí ly hôn để sung vào công quỹ Nhà nước. Số tiền án phí anh T phải nộp là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã B theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002357 ngày 13 tháng 8 năm 2021. Anh T đã nộp đủ tiền án phí

3. Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã B;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS thị xã B;
- Các đương sự;
- UBND phường B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Tướng Thị Hà